**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Toán Lớp 7 - Năm học: 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | *Một số yếu tố thống kê* | 3 |  | 2 |  |  | 2 |  |  | **60%** |
| *Một số yếu tố xác suất* |  |  | 1 | 1 |  | 1 |  |  |
| **2** | **Tam giác** | *Tổng các góc của một tam giác. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện. Bất đẳng thức tam giác* | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | **40%** |
| *Hai tam giác bằng nhau. Ba trường hợp bằng nhau của tam giác* | 3 |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  |
| **Tổng:** | | **Số câu** | 8 |  | 4 | 2 |  | 3 |  | 2 | **19 câu** |
| **Điểm** | 2đ |  | 1đ | 2đ |  | 4đ |  | 1đ | **10đ** |
| **Tỉ lệ** | | | **20%** | | **30%** | | **40%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Toán Lớp 7 - Năm học: 2023-2024**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | *Một số yếu tố thống kê* | *Nhận biết:*  - Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.  - Nhận biết tính đại diện, tính hợp lí của dữ liệu.  - Đọc các dữ liệu biểu diễn trên biểu đồ.  - Phân loại dữ liệu. | 3  (TN1, TN3;TN5) |  |  |  |
| *Thông hiểu:*  - Giải thích tính hợp lí của các dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo,...).  - Mô tả và phân tích được các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng. |  | 3  (TN2;TN6;  TL3) |  |  |
| *Vận dụng:*  - Tính toán, so sánh, mối liên hệ thống kê với kiến thức các môn học khác và trong thực tiễn (môi trường, y học, tài chính,...).  - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn; biểu đồ đoạn thẳng.  - Đưa ra một số nhận xét, biện pháp giải quyết trong thực tế. |  |  | 1  (TL2) |  |
| *Một số yếu tố xác suất* | *Nhận biết:*  - Nhận biết số kết quả xảy ra của mỗi biến cố.  - Nhận biết sự kiện là biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản. |  |  |  |  |
| *Thông hiểu:*  - Tìm số kết quả thuận lợi dựa vào dữ kiện đã cho.  - Tính xác suất của một số biến cố trong một số trò chơi đơn giản. |  | 1  (TN4) |  |  |
| *Vận dụng:*  Tính xác suất của một số biến cố ngẫu nhiên trong một số bài toán thực tế. |  |  | 1  (TL1) |  |
| **3** | **Tam giác** | *Tổng các góc của một tam giác. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện. Bất đẳng thức tam giác* | *Nhận biết:*  - Nhận biết định lí tổng các góc trong một tam giác và trong tam giác vuông.  - Nhận diện loại tam giác dựa vào các góc.  - Nhận biết liên hệ độ dài ba cạnh trong một tam giác. | 2  (TN7, TN12) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  - Tìm được số đo của góc trong tam giác dựa vào định lí tổng ba góc tam giác. |  | 1  (TN10) |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản vận dụng bất đẳng thức tam giác, quan hệ giữa góc và cạnh đối diện |  |  |  |  |
| *Hai tam giác bằng nhau. Ba trường hợp bằng nhau của tam giác* | *Nhận biết:*  - Nhận biết hai tam giác bằng nhau.  - Nhận biết điều kiện để hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp cho trước. | 3  (TN8, TN9, TN11) |  |  |  |
| *Thông hiểu:*  - Chứng minh hai tam giác bằng nhau theo ba trường hợp.  - Tìm số đo của góc, độ dài của cạnh, chu vi của tam giác.  - Chứng minh hai cạnh, hai góc bằng nhau. |  | 1  (TL4a) |  |  |
| *Vận dụng:*  Chứng minh hai góc, hai đoạn thẳng,hai tam giác bằng nhau |  |  |  |  |
| *Vận dụng cao:*  Chứng minh hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc dựa vào các điều kiện về cạnh và góc. |  |  |  | 2  (TL4b,c) |
| **Tổng** | | | | **8** | **6** | **3** | **2** |